VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Áp lực đồng USD tăng giá và chính sách mới của Fed

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đoàn Thị Xuân Mai mai.dtx@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

MIRAE ASSET Securities

[Tóm tắt]

Thế giới

- Tháng 5, chỉ số giá **PCE toàn phần tăng 4,1% YoY** và 0,4% MoM; **PCE lõi tăng 3,4% YoY** và 0,3% MoM, lần lượt là mức cao nhất kể từ tháng 4/2023 (4,5% YoY) và tháng 10/2023 (3,5% YoY). FOMC tháng 6 cũng cho thấy sự ưu tiên hàng đầu là **mang lại sự ổn định giá cả**, với lập trường chính sách tiếp tục được duy trì thận trọng.
- Tính đến ngày 26/6, **giá vàng và Bitcoin cùng điều chỉnh trong tuần, lần lượt giảm ~1,5% và ~5,8% WoW** xuống còn ~4.095 USD/oz và ~60.059 USD, trong bối cảnh DXY tiếp tục tăng lên vùng 101,4 (+0,52% WoW).

Việt Nam

- **Tiêu điểm tuần**:
  - **Thông tư 25/2026/TT-NHNN:** Nâng tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn lên 40% (từ mức trước đó 30%)
  - **Công văn 5386/NHNN-TD:** Miễn room tín dụng cho 18 dự án trọng điểm của Vingroup, Sun Group và Masterise
- **Áp lực tỷ giá sẽ cao trong bối cảnh DXY tăng lại.** Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt (O/N: 3,79%; +9bps WoW). NHNN bơm gần 31 nghìn tỷ qua OMO.
- **VN-Index: 1.871,9 điểm (+2,6% WoW).** GTGD bình quân 19 nghìn tỷ /ngày (-6% WoW). **Ngân hàng (LPB, STB, TCB…) và Tiện ích (POW) thu hút dòng tiền.**
- Đà tăng của VN-Index tuần qua chủ yếu đến từ nhóm Vingroup trong khi thanh khoản và thiếu độ lan tỏa giữa các nhóm ngành, do đó **nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng thận trọng** và ưu tiên sàng lọc các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản ổn định với triển vọng kết quả kinh doanh quý II khả quan. **Ngưỡng hỗ trợ:** 1800.
- **Định giá:** P/E về mức 15,2x (thấp hơn trung bình dài hạn 17x); dự báo tăng trưởng lợi nhuận duy trì mức 20% năm 2026.

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: DXY tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 5/2025

- Tuần trước, tâm điểm thị trường tập trung vào dữ liệu kinh tế Mỹ tháng 5, chỉ số giá PCE toàn phần tăng 4,1% YoY và 0,4% MoM; PCE lõi tăng 3,4% YoY và 0,3% MoM, lần lượt là mức cao nhất kể từ tháng 4/2023 (4,5% YoY) và tháng 10/2023 (3,5% YoY). **DXY leo thang lên vùng 101,4 - mức cao nhất kể từ tháng 5/2025 (100,8)**, phản ánh kỳ vọng tăng lãi suất, với CME FedWatch ghi nhận xác suất tăng lãi suất vào tháng 9 ở mức 71,7% và tháng 10 ở mức 94% tính đến ngày 26/6. **Trước áp lực đó, nhóm cổ phiếu công nghệ vốn tăng trưởng nóng trước đó phải đối mặt với làn sóng bán tháo và điều chỉnh mạnh do tâm lý chốt lời và lo ngại về chi phí đầu tư hạ tầng.**
- Tuy nhiên, **nền kinh tế Mỹ vẫn duy trì ổn định** khi chi tiêu tiêu dùng cá nhân tăng 0,7% MoM (T4: 0,4%) cùng mức tăng 0,7% MoM của thu nhập cá nhân (T4: 0%); số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu kết thúc ngày 20/6 giảm 12.000 đơn xuống còn 215.000, mức thấp nhất trong bốn tuần; và GDP quý I/2026 được điều chỉnh lần 3 tăng lên 2,1%, từ mức ước tính 1,6% trước đó và cao hơn mức 0,5% của quý IV/2025. Bên cạnh đó, **giá dầu Brent tiếp tục hạ nhiệt**, giảm từ ~78 USD/thùng (ngày 22/6) xuống ~75 USD/thùng (ngày 26/6), **khi các tàu chở dầu tại eo biển Hormuz dần nối lại hoạt động lưu thông, giảm bớt lo ngại về gián đoạn nguồn cung.**
- **Sự kiện thế giới sắp tới:** Phong cách điều hành hạn chế định hướng trước (forward guidance) của Fed trong cuộc họp tháng 6 khiến giới đầu tư duy trì sự thận trọng. Do đó, các số liệu thực tế sắp tới: **việc làm phi nông nghiệp (Non-Farm Payrolls - NFP) và tỷ lệ thất nghiệp tháng 6** vào thứ Năm 2/7 sẽ giúp thị trường có thêm dữ liệu để đánh giá xu hướng chính sách trong nửa cuối năm.

Thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam (VN-Index)

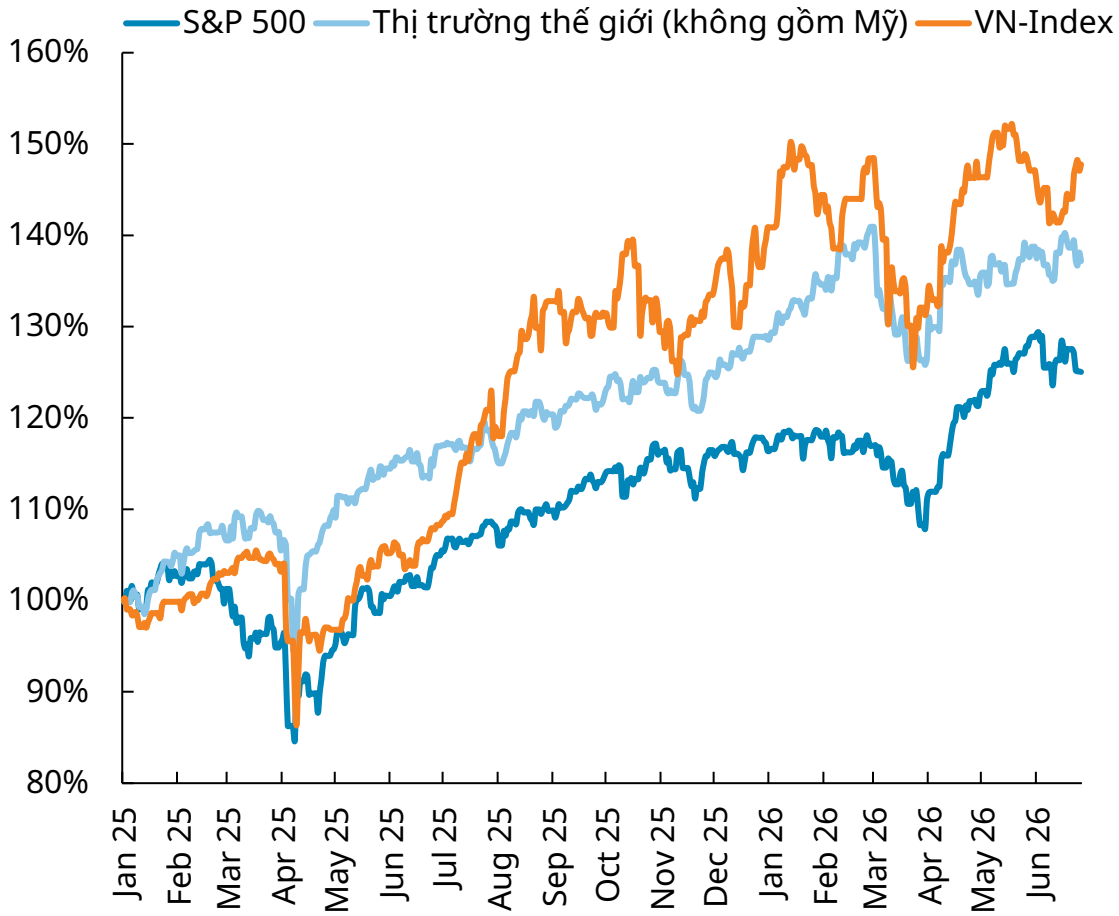

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **26/06/2026**.

Áp lực tỷ giá sẽ cao trong bối cảnh DXY tăng lại

- Chỉ số DXY tiếp tục tăng và giữ quanh mức 101,4, mức cao nhất kể từ tháng 5/2025 - ghi nhận tuần tăng thứ hai liên tiếp. Đà tăng được duy trì bởi kỳ vọng Fed tiếp tục tăng lãi suất. Qua đó, tỷ giá tự do tăng lên 26.540 (+0,79% WoW; -0,26% YTD). Tuy vậy, **nhờ các biện pháp điều hành của NHNN bao gồm quản lý thị trường ngoại hối phi chính thức giúp thu hẹp khoảng cách giữa tỷ giá trên thị trường tự do và chính thức.** Bên cạnh đó, **tỷ giá chính thức được duy trì ổn định** ở mức 26.454 (+0,05% WoW; +0,29% YTD) nhờ NHNN điều tiết thận trọng trong áp lực đang gia tăng.
- **Lãi suất qua đêm giảm về 3,79% (+9bps WoW) ngày 24/6 từ mức 6,2% ngày 22/6, phản ánh hiệu quả của các đợt bơm ròng qua kênh OMO của NHNN nhằm hỗ trợ thanh khoản hệ thống trong bối cảnh áp lực tỷ giá gia tăng.**
- **Trong tuần 22–26/6.** Ngân hàng Nhà nước (NHNN) **đã bơm gần 31 nghìn tỷ qua OMO** (mua kỳ hạn 35–56 ngày), tại mức lãi suất giữ nguyên là 4.5% (sau khi tăng 50bps kể từ ngày 3/12/2025). Theo đó, thanh khoản thị trường liên ngân hàng đã tăng khoảng 4 nghìn tỷ đồng.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY

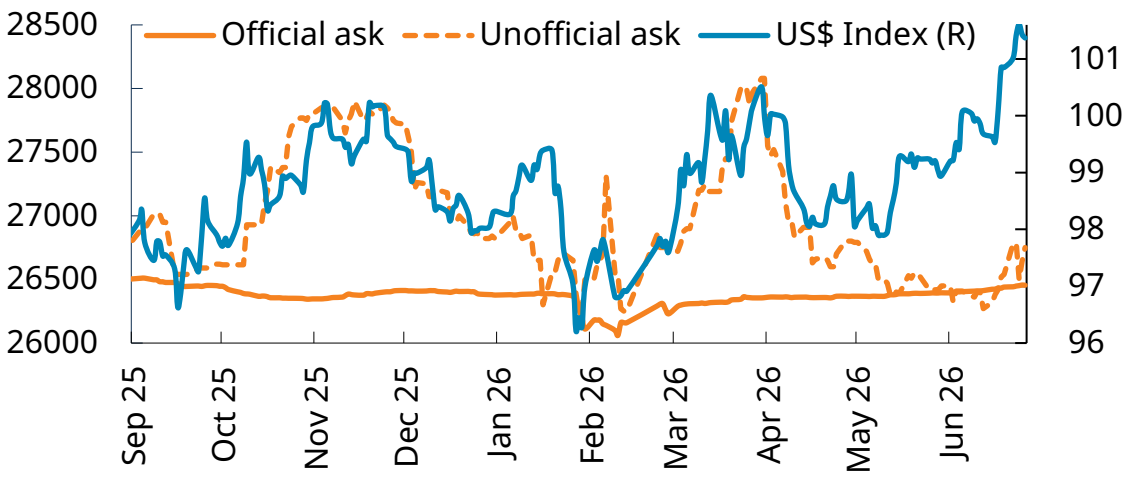

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **26/06/2026**.

Thị trường liên ngân hàng

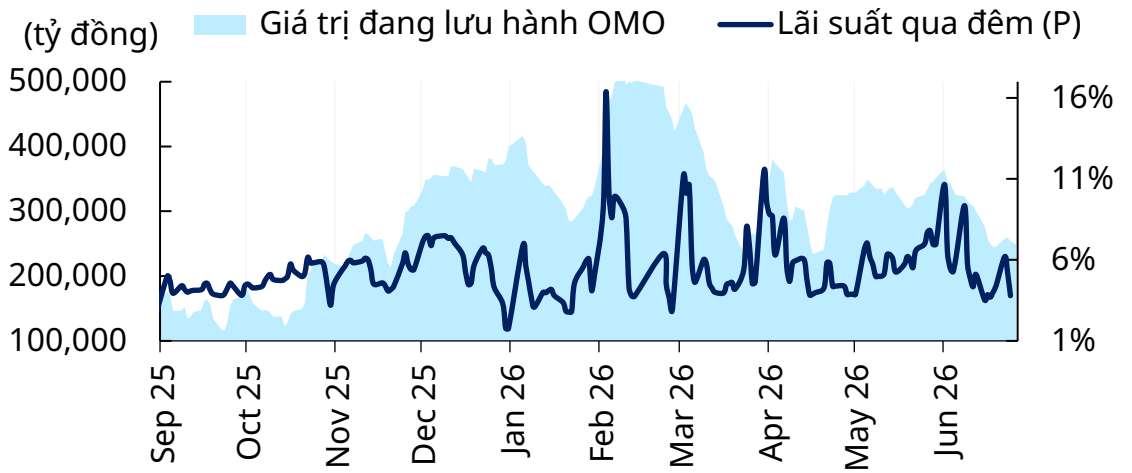

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 26/06/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 24/06/2026**

Phản ứng của Vn-Index trước các tin tức quan trọng trong và ngoài nước

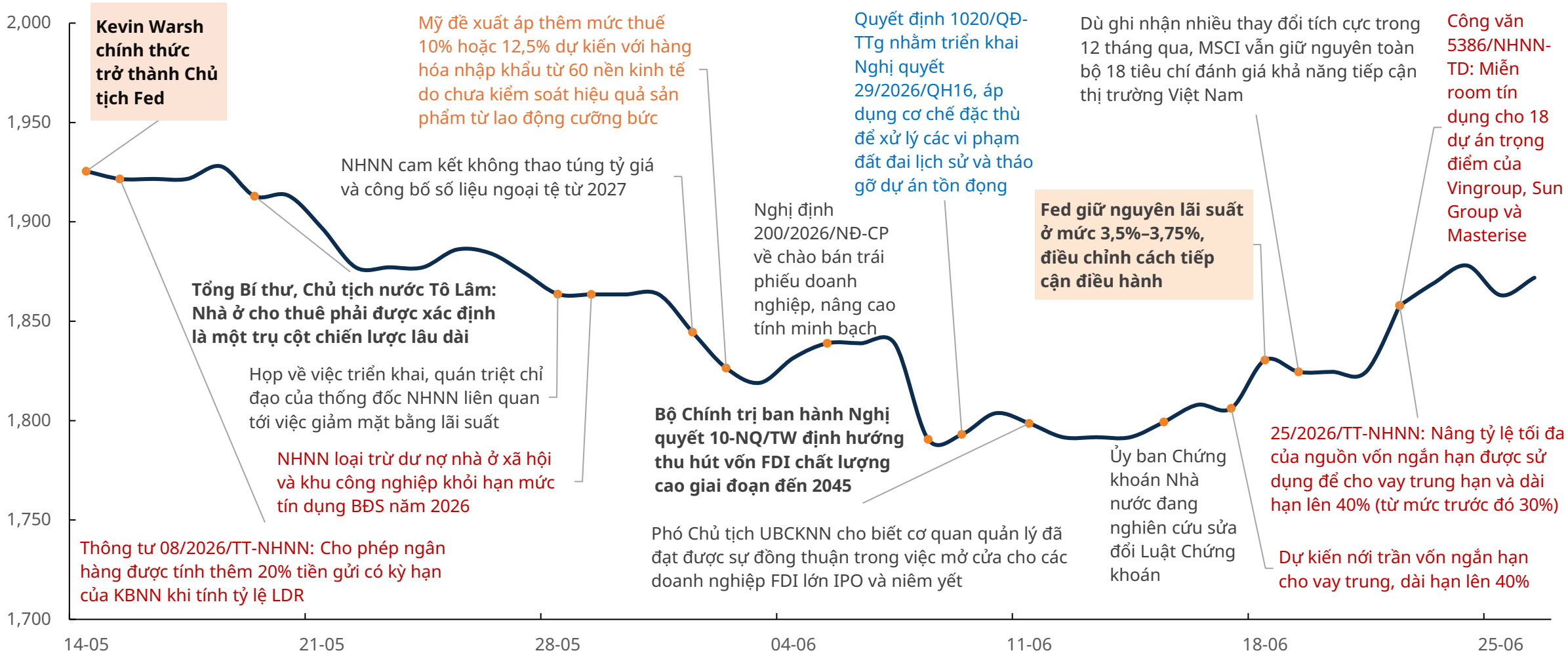

Giải pháp chính sách cho các dự án trọng điểm quốc gia thúc đẩy phát triển kinh tế

Để tạo điều kiện cho việc triển khai các dự án trọng điểm quốc gia, NHNN đã chủ động ban hành một số chính sách:

- **Thông tư 25/2026/TT-NHNN ban hành ngày 22/6/2026** (hiệu lực từ 1/7/2026): 1) **Nâng tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn lên 40%** (từ mức trước đó 30%); 2) Cho phép ngân hàng kéo dài thời gian được tính 20% tiền gửi Kho bạc Nhà nước khi tính tỷ lệ LDR
- **Công văn 5386/NHNN-TD ngày 22/6/2026:** Cho phép **loại trừ dư nợ 18 dự án trọng điểm của Vingroup, Sun Group và Masterise khỏi hạn mức tăng trưởng tín dụng hàng năm**, tạo điều kiện để các ngân hàng thương mại tham gia tài trợ song song với việc duy trì cân đối cho vay toàn danh mục

Các dự án của Vingroup, Sungroup và Masterise được loại trừ dư nợ khỏi hạn mức tăng trưởng tín dụng

Đơn vị: tỷ đồng

	Tên dự án	Vốn huy động	Vốn huy động theo năm							
			2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033
	Tổng cộng	**752.138**	**210.047**	**244.188**	**187.018**	**51.308**	**28.748**	**11.650**	**11.650**	**7.526**
I	**Các dự án phục vụ Hội nghị APEC**	**169.724**	**82.627**	**82.097**	**5.000**					
II	**Các dự án thực hiện theo hình thức PPP**	**162.302**	**35.880**	**37.790**	**28.680**	**17.475**	**11.650**	**11.650**	**11.650**	**7.526**
	Khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc	116.503	21.600	17.475	17.475	17.475	11.650	11.650	11.650	7.526
	Tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa bàn TP Hà Nội)	24.475	6.784	14.153	3.539					
	Tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh) đoạn Km9+000 - Km27+766	21.324	7.496	6.162	7.666					
III	**Các dự án đường sắt tốc độ cao**	**212.330**	**32.635**	**58.633**	**121.061**					
	Đường sắt Bến Thành - Cần Giờ	87.066	14.748	21.445	50.872					
	Đường sắt Hà Nội - Quảng Ninh	125.265	17.887	37.188	70.189					
IV	**Các dự án tại Cảng HKQT Gia Bình**	**207.782**	**58.905**	**65.668**	**32.277**	**33.833**	**17.098**			

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ phụ lục Công văn 5386/NHNN-TD

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1.871,9 điểm (+2,6% WoW), đà tăng thiếu sự lan tỏa, thanh khoản chưa cải thiện

- **Bối cảnh thị trường chung vẫn chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ:** biến động địa chính trị thế giới, đặc biệt là sự thay đổi sắp tới trong chính sách tiền tệ của Fed (xem báo cáo chi tiết) và xu hướng tăng mạnh trở lại của đồng USD (DXY: +0,52% WoW tính đến 26/6).
- **Mức tăng của VN-Index chủ yếu đến từ**: **nhóm Vingroup** (VIC: +11%; VHM: +11,5%) và **một số ngân hàng được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tín dụng cao** sau khi NHNN ban hành Thông tư 25/2026/TT-NHNN ngày 22/6/2026 và Công văn 5386/NHNN-TD ngày 22/6/2026 để tạo điều kiện cho việc triển khai các dự án trọng điểm quốc gia.
- **Thanh khoản thị trường chưa cải thiện**, với GTGD bình quân khoảng 19 nghìn tỷ/ngày (-6% WoW). Nhóm thu hút dòng tiền gồm **Ngân hàng (LPB, STB, TCB…) và Tiện ích (POW).**

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	**8,743**	**100%**	**3%**	23%	-6%
Bất động sản	2,964	34%	9%	31%	-16%
Ngân hàng	2,678	31%	2%	**77%**	12%
Tiêu dùng thiết yếu	594	6.8%	0%	38%	27%
Dịch vụ tài chính	522	6.0%	0%	38%	-22%
Nguyên vật liệu	462	5.3%	-3%	23%	-18%
Tiện ích	333	3.8%	-2%	54%	36%
Xây dựng cơ bản	329	3.8%	-1%	8%	-29%
Vận tải	289	3.3%	-2%	31%	-5%
Dầu khí	201	2.3%	-5%	31%	8%
Tiêu dùng không thiết yếu	218	2.5%	-1%	38%	0%
CNTT	129	1.5%	-1%	8%	-38%
Bảo hiểm	60	0.7%	-4%	23%	28%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **26/06/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Dòng tiền cô đặc và thiếu sự lan tỏa

- **Đà tăng điểm cô đặc và thiếu tính lan tỏa đồng thuận giữa các nhóm ngành:** việc điểm số tăng nhưng thanh khoản khớp lệnh ở mức thấp và số mã giảm vẫn chiếm ưu thế cho thấy dòng tiền chung chưa thực sự quay trở lại, mà chủ yếu tập trung ở nhóm Vingroup. Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng danh mục ở mức an toàn và ưu tiên quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, trong giai đoạn đầu tháng 7 có thể tập trung sàng lọc và dịch chuyển nguồn vốn từng phần vào nhóm doanh nghiệp có nền tảng cơ bản ổn định, dự báo kết quả kinh doanh Quý II tăng trưởng khả quan và chưa tăng giá quá mạnh so với nền tích lũy.
- **Ngưỡng hỗ trợ:** 1800
- **Định giá:** P/E đang ở mức 15,2x (hấp dẫn so với mức trung bình dài hạn 17x). Với triển vọng năm 2026 khả quan, chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng lợi nhuận cho các doanh nghiệp niêm yết ở mức 20%, chúng tôi vẫn đánh giá mức định giá hiện tại vẫn hấp dẫn để tích lũy các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất

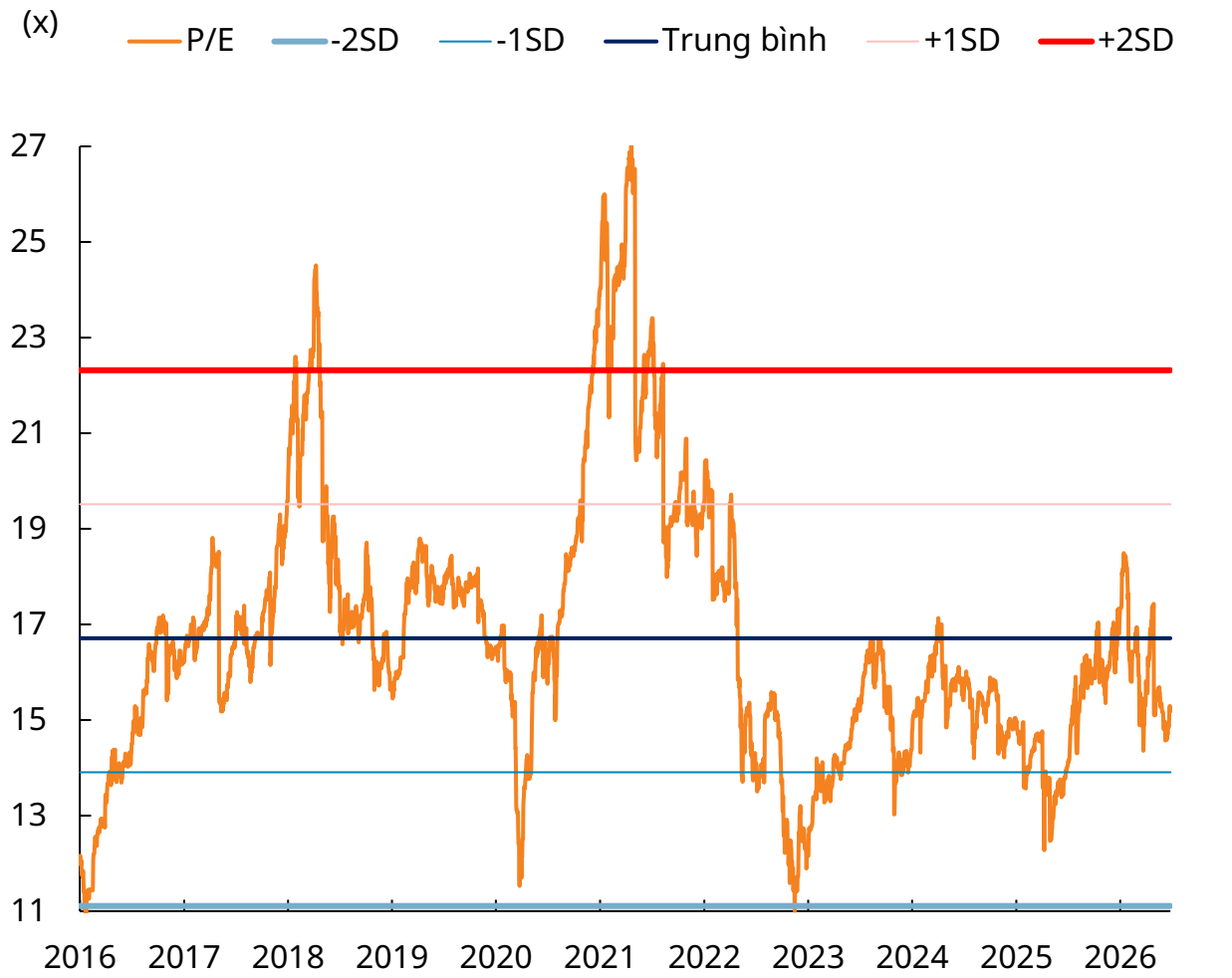

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **26/06/2026**.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		**8,743,460**	**1,871.91**	**1,936.55**	**1,362.09**	**0.5**	**2.6**	**-0.7**	**37.1**	**15.17**	**2.12**	**15.19**	**13.68**	**30.16**
VN30 Index		**6,490,325**	**2,008.57**	**2,102.77**	**1,459.93**	**0.2**	**2.3**	**-1.0**	**37.2**	**13.30**	**2.12**	**16.79**	**16.78**	**19.17**
VN100 Index		**7,726,137**	**1,937.79**	**2,008.27**	**1,413.04**	**0.3**	**2.3**	**-1.0**	**37.0**	**13.17**	**1.86**	**15.11**	**15.11**	**25.35**
VNDiamond Index		**1,679,589**	**2,421.81**	**2,795.05**	**2,243.52**	**0.3**	**-0.2**	**-1.7**	**7.9**	**10.20**	**1.71**	**17.07**	**23.92**	**5.75**
Ngân hàng	VCB	513,038	61,400	76,000	56,400	1.0	**-0.5**	**-4.7**	8.9	14.27	2.19	16.38	20.19	9.81
	BID	303,579	41,700	54,500	35,700	**-0.5**	**-0.2**	**-4.4**	16.8	9.49	1.64	18.40	17.61	12.39
	CTG	260,969	33,600	41,550	28,727	0.3	**-0.4**	**-4.7**	16.0	6.85	1.39	22.39	24.79	5.21
	TCB	236,680	33,400	41,650	29,650	0.0	7.9	1.5	**-1.9**	9.09	1.34	15.85	21.69	0.85
	VPB	212,232	26,750	38,250	18,450	0.2	3.3	**-3.1**	45.8	8.07	1.22	16.44	23.99	6.01
	MBB	199,361	24,750	29,500	19,470	0.2	**-1.0**	**-2.9**	26.1	7.19	1.39	21.15	22.25	0.99
	LPB	158,326	53,000	56,200	31,650	**-5.4**	10.4	**-2.0**	66.7	14.18	3.20	23.43	1.12	3.88
	STB	138,940	73,700	75,000	46,000	2.1	1.9	5.9	57.5	18.12	2.26	7.75	11.59	18.41
	HDB	127,134	25,400	29,700	16,655	**-0.8**	1.0	**-4.2**	51.8	6.97	1.58	24.53	21.35	5.65
	ACB	131,180	22,600	26,018	18,717	0.9	1.8	3.0	20.5	8.06	1.33	17.51	24.49	5.51
	SHB	72,942	13,650	18,825	11,252	0.0	**-0.7**	**-1.1**	19.5	5.22	0.89	18.30	4.07	25.93
	VIB	54,975	16,150	24,800	15,650	0.9	0.6	**-0.6**	1.7	7.24	1.12	16.36	4.19	0.80
	SSB	55,204	16,100	19,748	13,566	5.9	8.1	11.2	6.9	18.19	1.33	7.58	0.21	29.79
	TPB	44,662	16,100	21,714	12,667	0.6	**-0.6**	1.9	26.6	6.05	1.01	17.61	23.48	6.52
	MSB	49,608	15,900	15,900	9,958	1.0	0.6	8.5	59.0	8.45	1.13	14.33	7.59	22.41
	EIB	38,372	20,600	30,900	20,450	0.2	**-1.9**	**-4.4**	**-11.4**	51.33	1.45	2.86	2.34	27.63
	OCB	33,821	12,700	15,400	10,600	0.0	2.0	11.9	17.2	7.92	0.97	12.70	19.72	2.28
	NAB	26,868	13,050	14,167	10,083	**-0.8**	6.1	5.7	19.0	5.95	1.09	20.12	1.08	28.92
Dịch vụ tài chính	SSI	65,765	26,400	40,214	22,270	**-0.4**	**-2.8**	**-5.7**	18.3	13.26	1.66	13.53	31.56	68.44
	VIX	41,287	16,850	33,907	10,683	0.9	**-3.4**	**-9.7**	57.1	5.90	1.42	27.24	7.63	92.37
	HCM	29,051	26,900	30,400	20,500	**-0.2**	**-4.8**	**-3.2**	29.0	22.69	2.02	10.06	34.08	14.92
	VCI	27,601	24,050	36,630	23,400	0.0	**-2.2**	**-4.2**	**-8.5**	17.57	1.59	9.28	18.08	81.92
	VND	26,792	17,600	27,350	15,300	1.4	**-0.6**	**-2.8**	2.6	12.27	1.25	10.52	7.54	92.46
	EVF	9,963	13,100	16,500	10,250	**-0.8**	**-4.4**	**-5.8**	27.2	11.24	0.98	9.14	0.47	14.53
	DSE	9,657	22,550	31,225	21,450	0.0	2.0	0.2	3.8	36.27	1.80	4.89	10.72	89.28
	FTS	10,062	26,400	39,591	22,500	**-1.3**	**-2.0**	9.5	**-21.5**	24.93	2.22	9.17	24.90	75.10
	BSI	9,244	34,250	50,909	30,000	**-1.3**	**-1.3**	6.1	**-6.6**	18.44	1.65	9.32	35.58	64.42
	CTS	6,779	24,900	36,328	20,117	**-2.0**	**-3.9**	11.8	19.4	11.54	2.33	20.41	0.69	48.31

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **26/06/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	47,063	63,400	85,300	48,250	-0.3	-5.1	-8.4	20.8	15.88	1.86	12.22	27.22	21.78
Bất động sản	VIC	1,756,975	228,000	231,800	45,750	1.3	10.9	7.0	380.0	150.23	11.85	7.97	3.16	44.86
	VHM	665,401	162,000	164,000	74,000	3.5	11.5	5.3	113.2	10.28	2.54	27.70	7.62	42.38
	VPL	159,245	88,800	109,100	70,900	1.0	-2.4	-7.2	-6.1	N/A	4.43	N/A	1.88	47.12
	VRE	68,170	30,000	43,550	24,350	1.4	2.2	-8.3	22.4	9.92	1.36	14.77	11.98	37.02
	BCM	54,131	52,300	79,500	52,300	-0.6	-1.9	-4.2	-15.8	16.12	2.47	16.37	0.82	33.18
	NVL	30,146	12,550	19,535	10,326	-0.8	-2.7	-13.2	-10.9	9.32	0.65	7.34	4.80	44.20
	KBC	27,688	29,400	43,100	26,350	0.3	-2.0	-6.1	11.2	17.92	1.11	6.97	7.89	41.11
	KDH	24,240	21,600	37,500	21,550	-0.7	-6.1	-7.3	-17.5	21.57	1.29	6.17	24.90	25.10
	VPI	19,779	61,800	62,500	50,400	-0.6	4.9	1.6	17.5	71.49	3.75	5.39	9.98	39.02
	DXG	15,788	12,450	21,228	11,886	0.4	-6.4	-6.3	-15.8	66.77	1.11	1.66	18.78	31.22
	SJS	14,279	48,000	79,000	36,911	0.0	-2.8	-9.4	31.1	30.35	3.96	14.12	0.57	49.43
	PDR	14,668	14,700	27,200	14,500	-0.3	-2.0	-13.3	-10.1	24.13	1.17	5.07	6.09	43.91
	SIP	12,130	50,100	68,900	50,000	-0.2	-2.3	-3.3	-16.4	9.79	2.21	24.35	2.31	46.69
	NLG	12,833	26,450	43,159	25,050	3.9	-2.2	-0.6	-21.7	19.57	1.01	5.54	40.27	9.73
	KOS	8,031	37,100	42,150	36,200	0.8	0.3	-2.4	-4.4	422.86	3.44	0.82	0.09	48.91
	DXS	4,146	7,160	13,950	6,120	-1.0	-3.9	-12.1	-22.2	8.28	0.63	7.95	6.87	43.13
	HDC	3,423	14,900	32,842	14,800	0.3	-6.6	-6.1	-22.9	5.01	1.16	26.21	1.52	47.48
Xây dựng cơ bản	GEE	57,773	90,200	140,457	53,486	0.2	-3.0	-16.3	61.9	17.71	7.20	45.17	1.03	48.97
	GEX	39,450	30,150	45,310	23,172	0.7	0.5	-11.6	16.6	26.49	2.04	8.85	7.26	42.74
	REE	30,647	49,200	63,043	49,200	-1.3	-2.4	-6.8	-16.2	11.64	1.45	12.96	49.00	0.00
	VGC	19,010	42,400	66,600	39,250	1.0	-2.1	-2.1	-6.0	14.64	2.14	14.83	1.03	47.97
	TCH	12,998	14,250	24,571	13,700	-0.7	-4.4	-10.9	-11.6	49.87	1.13	1.99	10.40	40.60
	VCG	12,671	19,600	28,600	18,150	0.0	-1.0	-5.5	-9.9	3.26	1.08	38.95	1.86	47.14
	CII	11,457	17,050	31,350	12,982	-0.3	-3.7	-5.5	29.6	98.81	1.22	1.24	3.58	36.42
	BMP	12,525	153,000	184,200	124,300	1.3	5.4	9.4	10.2	10.05	3.94	40.38	81.04	18.96
	DIG	9,836	12,350	25,100	12,350	-0.8	-4.6	-10.5	-22.1	13.83	0.98	7.59	1.64	47.36

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **26/06/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	CTR	9,666	84,500	110,500	79,600	1.7	0.6	-6.6	-13.7	15.40	4.37	29.76	4.32	44.68
	HDG	8,363	20,550	32,909	20,550	-1.9	-1.2	-3.8	-11.5	12.57	1.24	10.25	17.00	33.00
	CTD	8,007	71,600	93,878	66,757	0.0	-1.2	-3.4	-5.9	9.47	0.84	9.24	45.43	3.57
	PC1	8,843	21,500	30,150	17,750	-2.3	1.2	8.0	13.2	8.72	1.32	16.53	9.47	40.53
	HHV	5,546	11,150	16,941	11,100	0.5	-2.6	-6.3	-3.3	9.11	0.54	5.83	9.81	39.19
	SZC	4,014	22,300	39,100	22,300	-0.2	-3.5	-10.4	-41.1	17.15	1.25	7.30	1.26	18.74
Nguyên vật liệu	HPG	198,411	23,500	27,364	20,682	0.4	-0.4	-3.1	13.4	9.40	1.43	16.45	21.49	27.51
	GVR	128,400	32,100	42,300	25,100	-3.0	-8.5	-8.7	5.2	20.20	2.18	11.23	0.62	12.38
	DCM	18,397	34,750	52,300	31,550	-0.4	-5.1	-14.6	-3.6	8.98	1.60	18.59	7.50	41.50
	DPM	15,400	22,650	35,800	21,698	-0.2	-3.6	-13.5	3.6	13.41	1.32	11.12	3.77	46.23
	HSG	9,364	11,600	16,231	10,923	-0.9	-2.9	-9.4	-10.0	17.09	0.82	4.81	3.45	45.55
	PHR	8,238	60,800	71,300	50,700	-1.9	-6.5	-10.7	0.5	12.45	1.91	16.15	12.44	36.56
	NKG	5,809	11,800	18,545	11,650	-0.4	-3.3	-7.6	-2.4	37.71	0.76	2.03	4.50	45.50
	HT1	5,209	13,650	18,500	11,950	-0.7	-1.4	-2.2	12.8	14.44	1.01	7.21	2.06	46.94
Tiêu dùng thiết yếu	VNM	117,664	56,300	73,000	55,900	-3.4	-4.6	-4.7	-0.2	12.78	3.58	27.66	48.65	51.35
	MSN	104,271	71,400	94,000	70,900	-0.1	-0.8	-7.3	-0.8	21.87	2.97	14.73	24.69	75.31
	SAB	62,461	48,700	53,800	42,600	0.2	1.1	3.2	-3.6	13.37	2.80	20.77	58.66	41.34
	HAG	19,011	15,000	18,400	12,900	0.3	-0.3	-2.6	15.8	6.16	1.29	24.35	1.86	47.14
	SBT	19,307	21,300	25,236	17,830	-0.5	-1.2	1.4	17.9	29.91	1.70	6.00	19.68	80.32
	KDC	14,519	50,100	57,100	38,700	0.4	-1.2	4.3	-12.1	23.77	2.14	9.17	14.40	35.60
	VHC	12,588	60,100	65,600	52,900	-1.6	4.5	1.0	2.7	9.04	1.37	15.91	19.09	80.91
	BAF	10,781	29,550	32,583	26,208	-1.0	-0.8	2.5	1.0	46.86	2.53	5.47	2.91	47.09

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **26/06/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiêu dùng thiết yếu	DBC	7,974	18,500	28,300	18,400	-0.5	-2.1	-6.0	-25.3	5.81	0.94	17.51	1.47	47.53
	PAN	5,740	22,900	29,417	22,208	-0.2	0.2	-18.0	2.9	4.99	0.98	20.87	22.31	26.69
	ANV	5,844	21,950	33,450	18,950	-2.2	2.3	-1.1	16.4	5.50	1.57	31.96	3.39	45.61
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	115,271	78,500	93,900	64,600	1.7	0.6	0.0	21.7	14.09	3.26	25.39	48.85	0.15
	PNJ	32,494	63,500	84,667	53,933	-0.9	-5.4	-2.6	17.7	9.29	2.26	27.69	48.25	0.75
	FRT	21,117	124,000	171,000	119,000	-3.0	-4.6	-4.8	-11.2	23.10	4.74	27.96	31.77	17.23
	DGW	8,648	39,100	54,900	38,000	-1.6	-2.9	-5.7	-15.0	13.43	2.38	19.12	23.39	25.61
Vận tải	VJC	107,289	139,500	163,462	67,000	0.1	-0.7	5.1	108.2	41.76	4.13	11.40	6.26	23.74
	GMD	31,134	73,000	85,100	55,200	0.0	-5.2	-3.3	32.0	17.83	2.28	13.17	41.21	7.79
	VTP	10,826	62,600	94,822	62,400	-0.9	-3.7	-5.9	-25.5	31.62	5.91	19.30	3.97	45.03
	VSC	6,926	18,500	33,850	15,600	0.0	-3.6	-10.2	17.1	25.31	1.34	5.52	1.22	47.78
	SCS	4,583	48,300	69,500	48,300	-2.4	-4.0	-6.6	-28.8	6.08	2.76	47.63	9.04	20.96
Dầu khí	BSR	121,427	24,250	39,500	10,960	-1.4	-6.9	-14.9	120.0	9.28	1.77	20.99	1.25	47.75
	PLX	46,758	36,800	67,000	33,300	-1.2	-4.8	-8.0	-0.7	28.56	1.84	6.90	13.95	6.05
	PVD	17,566	31,600	43,100	19,750	0.0	1.8	4.8	58.0	15.02	1.02	7.16	9.18	40.82
	PVT	10,106	19,550	27,909	15,500	-1.3	-3.7	-3.6	18.8	8.85	1.12	13.49	12.94	36.06
Tiện ích	GAS	185,797	77,000	122,000	58,500	-0.6	-5.2	-6.7	15.8	16.01	2.69	17.55	2.06	46.94
	POW	45,404	14,800	15,350	10,621	2.1	6.5	8.4	38.3	13.57	1.19	9.02	4.59	45.41
	BWE	9,831	44,700	50,200	41,900	0.4	1.2	0.7	-6.7	11.12	1.59	15.68	2.35	46.65
	NT2	6,607	22,950	28,300	19,000	0.4	-0.2	0.4	19.5	5.31	1.31	27.56	10.72	38.28
CNTT	FPT	120,608	70,800	111,500	70,300	-0.3	-1.0	-5.0	-30.4	12.45	3.10	27.28	28.03	20.97
	CMG	6,324	27,150	41,636	26,850	0.4	-2.3	-2.7	-18.2	15.86	1.98	13.20	36.61	13.39
Chăm sóc sức khỏe	IMP	6,476	42,050	56,700	42,050	-2.0	-7.6	-9.8	-17.7	20.67	2.72	13.33	72.70	5.26

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **26/06/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.